ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 37 /QĐ-UBND	*Đồng Tháp, ngày 09 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5364/TTr-SXD ngày 16 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô tại các bến xe trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

1. Giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô đối với bến xe ô tô loại 1 và loại 2

a) Đối với phương tiện vận tải hành khách theo tuyến cố định (xe có đăng ký hoạt động tại bến)

Số TT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tối đa
1	**Các tuyến dưới 300 km**		
a	Đối với xe ghế ngồi		
-	Xe ô tô đến 16 ghế	đồng/chuyến xe	53.000

Số TT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tối đa
-	Xe ô tô 17 - 20 ghế	đồng/chuyến xe	66.000
-	Xe ô tô 21 - 25 ghế	đồng/chuyến xe	83.000
-	Xe ô tô 26 - 30 ghế	đồng/chuyến xe	99.000
-	Xe ô tô 31 - 35 ghế	đồng/chuyến xe	116.000
-	Xe ô tô 36 - 40 ghế	đồng/chuyến xe	132.000
-	Xe ô tô 41 - 45 ghế	đồng/chuyến xe	149.000
-	Xe ô tô từ 46 ghế trở lên	đồng/chuyến xe	152.000
b	Đối với xe giường nằm, phòng nằm		
-	Xe ô tô đến 30 giường	đồng/chuyến xe	149.000
-	Xe ô tô 31 - 35 giường	đồng/chuyến xe	174.000
-	Xe ô tô 36 - 40 giường	đồng/chuyến xe	180.000
-	Xe ô tô 41 - 45 giường	đồng/chuyến xe	198.000
-	Xe ô tô từ 46 giường trở lên	đồng/chuyến xe	228.000
-	Xe ô tô phòng nằm	đồng/chuyến xe	228.000
2	**Các tuyến từ 300 km trở lên**		
a	Đối với các loại xe ghế ngồi		
-	Xe ô tô đến 16 ghế	đồng/chuyến xe	58.000
-	Xe ô tô 17 - 20 ghế	đồng/chuyến xe	73.000
-	Xe ô tô 21 - 25 ghế	đồng/chuyến xe	91.000
-	Xe ô tô 26 - 30 ghế	đồng/chuyến xe	109.000
-	Xe ô tô 31 - 35 ghế	đồng/chuyến xe	127.000
-	Xe ô tô 36 - 40 ghế	đồng/chuyến xe	145.000
-	Xe ô tô 41 - 45 ghế	đồng/chuyến xe	164.000
-	Xe ô tô từ 46 ghế trở lên	đồng/chuyến xe	167.000
b	Đối với các loại xe giường nằm, phòng nằm		
-	Xe ô tô đến 30 giường	đồng/chuyến xe	164.000
-	Xe ô tô 31 - 35 giường	đồng/chuyến xe	191.000
-	Xe ô tô 36 - 40 giường	đồng/chuyến xe	218.000
-	Xe ô tô 41 - 45 giường	đồng/chuyến xe	245.000
-	Xe ô tô từ 46 giường trở lên	đồng/chuyến xe	250.000
-	Xe ô tô phòng nằm	đồng/chuyến xe	250.000

b) Đối với xe khách khác vào bến trả khách

Số TT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tối đa
1	**Đối với các loại xe ghế ngồi**		
a	Xe ô tô đến 16 ghế	đồng/lượt xe	13.000
b	Xe ô tô 17 - 20 ghế	đồng/lượt xe	17.500

Số TT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tối đa
c	Xe ô tô 21 - 25 ghế	đồng/lượt xe	21.000
d	Xe ô tô 26 - 30 ghế	đồng/lượt xe	25.000
đ	Xe ô tô 31 - 35 ghế	đồng/lượt xe	29.000
e	Xe ô tô 36 - 40 ghế	đồng/lượt xe	33.000
g	Xe ô tô 41 - 45 ghế	đồng/lượt xe	37.000
h	Xe ô tô từ 46 ghế trở lên	đồng/lượt xe	38.000
2	**Đối với các loại xe giường nằm, phòng nằm**		
a	Xe ô tô đến 30 giường	đồng/lượt xe	37.000
b	Xe ô tô 31 - 35 giường	đồng/lượt xe	43.000
c	Xe ô tô 36 - 40 giường	đồng/lượt xe	50.000
d	Xe ô tô 41 - 45 giường	đồng/lượt xe	56.000
đ	Xe ô tô từ 46 giường trở lên	đồng/lượt xe	57.000
e	Xe ô tô phòng nằm	đồng/lượt xe	57.000

c) Đối với xe khách ra, vào bến đậu (đỗ) hoặc lưu đêm

Số TT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tối đa
1	Xe khách dưới 16 chỗ ngồi	đồng/xe/lượt-đêm	20.000
2	Xe khách từ 16-25 chỗ ngồi	đồng/xe/lượt-đêm	30.000
3	Xe khách trên 25 đến dưới 40 chỗ ngồi	đồng/xe/lượt-đêm	40.000
4	Xe khách trên 40 chỗ ngồi	đồng/xe/lượt-đêm	45.000
5	Xe khách giường nằm, phòng nằm	đồng/xe/lượt-đêm	50.000
6	Đối với xe khách ra, vào bến đậu đỗ hoặc lưu đêm hợp đồng theo tháng: thu 80% giá cho từng loại dịch vụ nêu trên		

d) Đối với xe tải ra, vào bến để xếp dỡ hàng hóa hoặc lưu đêm

Số TT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tối đa
1	Xe tải dưới 1,5 tấn	đồng/xe/lượt-đêm	20.000
2	Xe tải từ 1,5 tấn đến 05 tấn	đồng/xe/lượt-đêm	25.000
3	Xe tải trên 05 tấn đến dưới 10 tấn	đồng/xe/lượt-đêm	40.000
4	Xe tải trên 10 tấn	đồng/xe/lượt-đêm	60.000
5	Xe container	đồng/xe/lượt-đêm	100.000
6	Đối với xe tải ra vào bến để xếp dỡ hàng hóa hoặc lưu đêm hợp đồng theo tháng: thu 80% giá cho từng loại dịch vụ nêu trên.		

đ) Đối với xe ra, vào bến áp dụng theo hình thức thu theo tháng

Số TT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Giá dịch vụ
1	Xe taxi ra vào bến đón trả khách	đồng/xe/tháng	370.000
2	Xe buýt ra vào bến đón trả khách	đồng/xe/tháng	750.000
3	Xe gắn máy, xe mô tô hai bánh (chở khách)	đồng/xe/tháng	140.000
4	Xe mô tô ba bánh chở hàng (và các xe tương tự)	đồng/xe/tháng	210.000

2. Giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô loại 3 và loại 4: mức thu bằng 85% giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô loại 1 và loại 2 được quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Giá tối đa dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô loại 5 và loại 6: mức thu bằng 75% giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô loại 1 và loại 2 được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm toàn diện về thành phần hồ sơ, kết quả báo cáo thẩm định phương án giá và mức giá đề xuất; theo dõi, hướng dẫn đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Tài chính thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước về giá và kiểm tra các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá theo đúng quy định.

3. Các tổ chức kinh doanh dịch vụ ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức thu và quản lý, sử dụng nguồn thu theo đúng quy định; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của Luật Giá và các quy định có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- VPUB: các PCVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT(MDung).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Diệu